TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 01/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 10 -7-2025
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 14 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch T, sinh năm: 1987
- *Bị đơn:* Bà Thị T1, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: ấp K Liêu, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp K Liêu, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Thạch T trình bày:*

Ông T và bà Thị T1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, nay là xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu T1ẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà T1 nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Thị T1 Hà, sinh ngày 05/12/2007 và Thạch Tiến, sinh ngày 09/3/2019; Khi ly hôn, ông T đồng ý giao các con cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Tiến mỗi tháng 2.000.000

đồng, cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có

Về án phí: Ông T tự nguyện chịu án phí

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn bà T1 có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình làm việc bà Thị T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu T1ẫn như ông T trình bày. Thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau vì ông T đi chơi và bỏ nhà đi thường xuyên từ 3-4 ngày mới chịu về nhà nên vợ chồng mới cãi nhau. Sau khi cãi nhau thì ông T lại bỏ đi chơi, tuy nhiên bà T1 vẫn còn thương chồng con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Thị T1 Hà, sinh ngày 05/12/2007 và Thạch Tiến, sinh ngày 09/3/2019; Trong trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì bà T1 có nguyện vọng nuôi cả 02 con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Tiến, mỗi tháng 2.000.000 đồng

Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, T1 thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T, bà T1 có đơn xin vắng mặt nên được chấp nhận.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thạch T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thạch T được ly hôn với bà Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Thị T1 Hà, sinh ngày 05/12/2007 và Thạch Tiến, sinh ngày 09/3/2019. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao các con cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét

Về án phí: Ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Thạch T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 14 yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Thị T1 nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T1 cư trú tại K Liêu, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông T, bà T1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Thị T1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, nay là xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai, vì vậy hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp. Tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy ông T có đơn xin ly hôn với bà T1. Ông T sống ly thân với bà T1 từ năm 2023 đến nay, từ lúc sống ly thân thì ông T không trở về nhà. Ông T xác định không còn tình cảm với bà T1 nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Thời gian chung sống, giữa ông T và bà T1 phát sinh mâu T1ẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Bà T1 cũng xác định vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu T1ẫn do ông T thường xuyên bỏ đi chơi nhưng bà T1 không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà T1 ông T đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho ông T được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Ông T và bà T1 có 02 con tên Thị T1 Hà, sinh ngày 05/12/2007 và Thạch Tiến, sinh ngày 09/3/2019; Khi ly hôn, ông T đồng ý giao các con cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi. Bà T1 có nguyện vọng được nuôi 02 con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con tên Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa T1ận của các đương sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ T1ộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm*

ngàn đồng) và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch T được ly hôn với bà Thị T1.

2. Về con chung: Bà Thị T1 trực tiếp nuôi con tên Thị T1 Hà, sinh ngày 05/12/2007 và Thạch Tiến, sinh ngày 09/3/2019. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 14 – Đồng Nai, theo biên lai T1 tiền số 0006972 ngày 10 tháng 4 năm 2025. Sau khi khấu trừ ông T còn phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Lệ Thy

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKS Khu vực 14
- Các đương sự.
- UBND xã Lộc Thành
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 14
- Lưu hồ sơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa